

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi (207204) - 001_DH14CC.01 Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 18/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi: HD205 Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp: DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC							0012345678900	0123456789
2	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	B.2		1	1,0		2,0	0012345678900	0123456789
3	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789
4	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC							0012345678900	0123456789
5	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC							0012345678900	0123456789
6	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC	Đại		1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789
7	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	Đạt		1	5		6,0	0012345678900	0123456789
8	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			1				0012345678900	0123456789
9	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC	Đạt		1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789
10	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	Giang		1	4,5		5,5	0012345678900	0123456789
11	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC	Giang		1	5		6,0	0012345678900	0123456789
12	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC	Hào		1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789
13	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC	Hiệp		1	3,5		4,5	0012345678900	0123456789
14	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC	Hiếu		1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789
15	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC	Huy		1	5,5		6,5	0012345678900	0123456789



Mã nhận dạng 02681



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi (207204) - 001_DH14CC_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

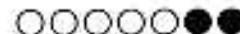
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118187	Nguyễn Hữu	Khôi	Khôi		0,5	5,5		6,0	0001234567890	0123456789
17	14118193	Trần Như	Long	Long		1	4,5		5,5	0001234567890	0123456789
18	14118047	Nguyễn Hữu	Phát	Phát		1,2	5,5		6,7	0001234567890	0123456789
19	14118048	Bùi Hoàng	Phong	phong		1	3,5		4,5	0001234567890	0123456789
20	14118228	Trần Hữu	Phước	phước		1	2		3,1	0001234567890	0123456789
21	14118222	Nguyễn Thành	Phương	Phương		1	2		3,0	0001234567890	0123456789
22	14118234	Nguyễn Thiện	Quang	Quang		0,5	3		3,5	0001234567890	0123456789
23	14118059	Lê Văn	Quyển	Quyển		1	6		7,0	0001234567890	0123456789
24	14118237	Trần Quốc	Sang	Sang		1	3,5		4,5	0001234567890	0123456789
25	14118238	Trương Tuấn	Sang							0001234567890	0123456789
26	14118061	Lê Tiến	Tài	Tài		1	6,5		7,5	0001234567890	0123456789
27	14118256	Nguyễn Quốc	Thắng	Thắng		1	5,0		6,0	0001234567890	0123456789
28	14118263	Nguyễn Tấn	Thiện	Thiện		1	4,5		5,5	0001234567890	0123456789
29	14118265	Nguyễn Quốc	Thịnh	Thịnh		1	4,5		5,5	0001234567890	0123456789
30	14118274	Trần Văn	Thường	Thường		1	6,5		7,5	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02681



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi (207204) - 001_DH14CC_01 Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD205 Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DH14CC			1	6		7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14118078	Nguyễn Công Trạng	DH14CC			1	6,5		7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
33	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC			1	4		5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			1	6		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			1	5		6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 02698



Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Máy gieo trồng (207306) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RDS04 Giảng viên: Trần Văn Khanh

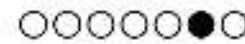
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118004	Dũng Văn Bảo	DH14CK			1,6	0,7	2,3		001034567890	0120456789
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			3,2	1,2	4,4		001230567890	0123056789
3	14118108	Trần Văn Bón	DH14CK			1,6	0,8	2,4		001034567890	0123056789
4	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			2,0	1,0	3,0		001230456789	0123456789
5	14118007	Vũ Văn Cảnh	DH14CK			2,4	1,6	4,0		001230567890	0123456789
6	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			2,4	1,0	3,4		001230456789	0123056789
7	14118116	Trương Chiến	DH14CK			4,8	1,6	6,4		001234507890	0123056789
8	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			2,6	1,4	4,0		001230567890	0123456789
9	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			4,0	1,2	5,2		001234056789	0103456789
10	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			2,0	1,6	3,6		001230456789	0123450789
11	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			1,8	1,6	3,4		001230456789	0123056789
12	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			2,6	0,8	3,4		001230456789	0123056789
13	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			1,6	0,8	2,4		001034567890	0123056789
14	14118132	Nguyễn Võ Trí	DH14CK			1,6	0,4	2,0		001034567890	0123456789
15	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			1,0	1,0	2,0		001034567890	0123456789



Mã nhận dạng 02698



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Máy gieo trồng (207306) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Trần Văn Khanh

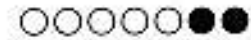
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118017	Nguyễn Thanh Diên	DH14CK			1,6	1,0	2,6		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			2,2	1,0	3,2		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118025	Lê Quang Hiên	DH14CK			1,8	0,8	2,6		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			2,0	1,0	3,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118026	Nguyễn Đức Hiên	DH14CK			1,6	0,8	2,4		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118158	Vũ Văn Hiên	DH14CK			1,0	0,2	1,2		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			1,6	0,6	2,2		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			2,4	1,0	3,4		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			3,8	1,2	5,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			0,6	1,0	1,6		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			2,4	1,6	4,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			1,6	1,4	3,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			3,8	1,2	5,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			4,0	1,0	5,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			3,6	1,4	5,0		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02698



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Máy gleo trồng (207306) - 001_DH14CK_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Trần Văn Khanh

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 80%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			3,2	1,8	5,0		0012345678910	1123456789
32	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			0,6	1,0	1,6		0012345678910	0123456789
33	13118199	Dào Huy Long	DH13CK			2,6	1,4	4,0		0012345678910	1123456789
34	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			2,0	1,2	3,2		0012345678910	0123456789
35	14118038	Thương Công Lộc	DH14CK			1,6	1,0	2,6		0012345678910	0123456789
36	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK			2,4	0	2,4		0012345678910	0123456789
37	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			6,0	1,4	7,4		0012345678910	0123456789
38	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK			3,6	1,4	5,0		0012345678910	1123456789
39	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			3,2	1,8	5,0		0012345678910	1123456789
40	13118221	Vô Văn Nguyên	DH13CK			0,2	1,0	1,2		0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40 Số sinh viên vắng: 0

Ngày 18 Tháng 03 Năm 2018

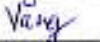
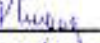
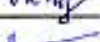
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 80%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			1,6	1,2	2,8		○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
2	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			1,6	1,0	2,6		○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK	Vàng	—				—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			4,0	1,0	5,0		○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			1,8	1,2	3,0		○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			0	0,8	0,8		○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK	Vàng	—				—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			0,8	0,6	1,4		○ 0 ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
9	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK	Vàng	—				—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			1,8	0,7	2,5		○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			3,2	1,8	5,0		○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			4,8	0	4,8		○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
13	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			0,8	0,8	1,6		○ 0 ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
14	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK	Vàng	—				—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118062	Đỗ Văn Tấn	DH14CK			3,2	0,8	4,0		○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02699



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Máy gieo trồng (207306) - 002_DH14CK_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: PV335

Giảng viên: Trần Văn Khanh

Lớp: DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 80%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			1,4	1,0	2,4		0012345678910	0123456789
17	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			3,4	0,8	4,2		0012345678910	0123456789
18	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK			1,0	0,7	1,7		0012345678910	0123456789
19	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			2,8	1,4	4,2		0012345678910	0123456789
20	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			2,2	0	2,2		0012345678910	0123456789
21	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			2,8	0	2,8		0012345678910	0123456789
22	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			0,6	1,0	1,6		0012345678910	0123456789
23	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			1,6	0,8	2,4		0012345678910	0123456789
24	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			4,8	1,4	6,2		0012345678910	0123456789
25	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			2,4	1,6	4,0		0012345678910	0123456789
26	14118312	Hà Thành Vĩ	DH14CK			4,0	1,0	5,0		0012345678910	0123456789
27	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK							0012345678910	0123456789
28	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			2,6	0	2,6		0012345678910	0123456789
29	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			5,2	0	5,2		0012345678910	0123456789
30	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			3,0	1,2	4,2		0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH15CK_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Page 1

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)												
STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm	An	DH14CK			1	3		4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH15CK			1,5	5,5		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118004	Đổng Văn	Bảo	DH14CK			1,5	3,5		5,0	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118006	Nguyễn Châu	Bình	DH15CK			1,5	4		5,5	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
5	15118008	Lê Trung	Chiến	DH15CK			1,5	5,5		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118116	Trương	Chiến	DH14CK			1,5	7,5		9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118122	Nguyễn	Cường	DH14CK			1,5	5		6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
8	15118009	Nguyễn Quốc	Cường	DH15CK			1,5	5		6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
9	15118022	Trần Hoàng	Dũng	DH15CK							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118026	Ngô Hồng	Duy	DH15CK			1	8		9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118013	Bùi Tấn	Dương	DH14CK			1,5	2,5		4,0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118010	Lâm Văn	Đại	DH15CK			1	4,5		5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	15118014	Châu Tấn	Đạt	DH15CK			1,5	5		5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	15118015	Nguyễn Quốc	Đạt	DH15CK							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118017	Nguyễn Thanh	Diên	DH14CK			1,5	4		5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02704



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH15CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

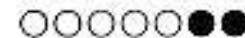
Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 33%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
17	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			1,5	5		6,5	0012345678910	0123456789
18	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
19	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			1,5	7		8,5	0012345678910	0123456789
20	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			1	4		5,0	0012345678910	0123456789
21	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			1,5	5		6,5	0012345678910	0123456789
22	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			1,5	5		6,5	0012345678910	0123456789
23	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			1,5	6,5		8,0	0012345678910	0123456789
24	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			1,5	3		4,5	0012345678910	0123456789
25	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			1	4,5		5,5	0012345678910	0123456789
26	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			1	6,5		7,5	0012345678910	0123456789
27	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			1	5		6,0	0012345678910	0123456789
28	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			1,5	8		9,5	0012345678910	0123456789
29	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			1	4,5		5,5	0012345678910	0123456789
30	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			1,5	3,5		5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02704



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH15CK_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			1	4,5		5,5	0012345678910	0123456789
32	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
33	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			1	3,5		4,5	0012345678910	0123456789
34	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK			1	5,5		6,5	0012345678910	0123456789
35	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			1,5	6,5		8,0	0012345678910	0123456789
36	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			1,5	7		8,5	0012345678910	0123456789
37	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			1,5	3		4,5	0012345678910	0123456789
38	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			1,5	2		3,5	0012345678910	0123456789
39	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			1,5	3,5		5,0	0012345678910	0123456789
40	15118069	Và Văn Nam	DH15CK			1,5	2,5		4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 88 Số sinh viên vắng: 02

Ngày 16 Tháng 1 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Triều

Phạm Duy Lam

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Hải Triều



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 002_DH15CK_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 24%	D2 42%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK	✓						○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			1,5	6		7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	13118221	Vô Văn Nguyên	DH13CK			4,5	0,5		1,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			1	4		5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			1,5	4,5		6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			0,5	1,5		2,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			1,5	4,5		6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK			1,5	2		3,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			1	5		6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			1	4,5		5,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			1,5	5		6,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK			1	4		5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			1,5	1		2,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK			1,5	2,5		4,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			1,5	4		5,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 02705



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 002_DH15CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp

DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22%	Đ2 42%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK	<i>Bài</i>		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
17	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK	<i>Tài</i>		1,5	6,5		8,0	0012345678910	0123456789
18	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK	<i>Tài</i>		0,5	1		1,5	0012345678910	0123456789
19	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK	<i>Tâm</i>		1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
20	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	<i>Tập</i>		1	3,0		4,0	0012345678910	0123456789
21	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK	<i>Thành</i>		1,5	1,5		3,0	0012345678910	0123456789
22	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK	<i>Thắng</i>		1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
23	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK	<i>Thế</i>		1	2		3,0	0012345678910	0123456789
24	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK	<i>Thịnh</i>		1,5	4,5		6,0	0012345678910	0123456789
25	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK	<i>Tiến</i>		1	3,5		4,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 24. Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Phạm Minh Hiền
Phạm Minh Hiền

Bùi
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Hải Triều
Nguyễn Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 003 DH15CK 01

Sổ Tin Ch 2

Ngày Thi **16/01/2018**

Giờ Thi: 07:00

Phỏng Thi RD502

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 70 %	Đ2 82 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toán	DH15CK		1,5	3,5		5,0	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118110	Vũ Công	Toán	DH15CK		1,5	3,5		5,0	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118111	Trần Văn	Toán	DH15CK		1	6		7,0	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118114	Lê Đức	Trí	DH15CK		1	6		7,0	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118083	Trương Minh	Trí	DH14CK		1	6		7,0	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118115	Võ Minh	Trí	DH15CK		1	5		6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118081	Lê Ngọc Đăng	Trình	DH14CK		1,5	6		7,5	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	14118283	Lê Đức	Trọng	DH14CK		1,5	7		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	15118120	Trần Nguyễn Quốc	Trung	DH15CK		1,5	4		5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	14118086	Nguyễn Công	Truyền	DH14CK		1,5	2		3,5	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền	DH14CK		1,5	5,5		7,0	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118121	Lê Quang	Trường	DH15CK		1	2		3,0	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118123	Trần Thanh	Tú	DH15CK		1	4		5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118124	Bùi Anh	Tuấn	DH15CK		1,5	2,5		4,0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118088	Hồ Hoàng	Tuấn	DH14CK		1,5	6,5		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02706



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 003_DH15CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD502

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 2%	D2 8%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118125	Hoàng Minh Tuấn	DH15CK			1	8		9,0	00123456789	0123456789
17	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			1	4		5,0	00123456789	0123456789
18	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			1	6		7,0	00123456789	0123456789
19	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			1,5	2		3,5	00123456789	0123456789
20	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			1,5	4,5		6,0	00123456789	0123456789
21	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			1	2		3,0	00123456789	0123456789
22	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			1	2,5		3,5	00123456789	0123456789
23	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			1	6		7,0	00123456789	0123456789
24	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			1,0	3		4,0	00123456789	0123456789
25	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			1,5	4		5,5	00123456789	0123456789
26	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			1,5	5,5		7,0	00123456789	0123456789
27	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			1	3,5		4,5	00123456789	0123456789

Số sinh viên dự thi: 27. Số sinh viên vắng: 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - 01

CBGD: Bùi Chấn Thanh (639)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			6.0	0	6.0	4.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			8.0	4.0	8.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15138002	Bùi Thị Văn Anh	DH15TD			9.0	8.0	9.0	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15138003	Đông Hoàng Anh	DH15TD			8.0	6.0	8.0	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			9.0	4.0	9.0	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14138036	Nguyễn Hữu Nguyễn Chương	DH14TD			9.0	7.0	9.0	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			9.0	8.0	9.0	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15138014	Trương Công Định	DH15TD			—	—	—	—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			5.0	0	5.0	3.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118025	Lê Quang Hiến	DH14CK			5.0	6.0	5.0	5.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD			7.0	6.0	7.0	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			—	4.0	—	—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			5.0	6.0	5.0	5.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			9.0	6.0	9.0	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153082	Phạm Ngọc Đăng Huy	DH12CD			—	—	—	—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			9.0	4.0	9.0	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD			9.0	6.0	9.0	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			—	4.0	—	—	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - 01

CBGD: Bùi Chấn Thanh (639)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chức vụ	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD			7,0	4,0	7,0	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			8,0	6,0	8,0	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD			7,0	5,0	7,0	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	DH14TD			8,0	6,0	8,0	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14138017	Trần Đức Lâm	DH14TD			9,0	4,0	9,0	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			/	/	/	/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD			7,0	6,0	7,0	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			6,0	6,0	6,0	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			7,0	4,0	7,0	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14138068	Võ Lê Hoài Nam	DH14TD			8,0	6,0	8,0	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14138020	Lê Nghiêm	DH14TD			8,0	4,0	8,0	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			8,0	5,0	8,0	7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14138072	Nguyễn Vũ Nguyên	DH14TD			8,0	8,0	8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD			10	8,0	09	8,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			10	8,0	09	8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14138078	Võ Đại Phước	DH14TD			9,0	6,0	9,0	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14138077	Võ Văn Phương	DH14TD			9,0	4,0	9,0	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14138028	Phan Văn Sỹ	DH14TD			9,0	4,0	9,0	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

CBGD: Bùi Chấn Thanh (639)

no
Đào Duy Vinh



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Lê Văn Điện

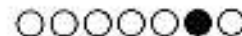
Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
2	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			9		5,67	6,7	0012345678910	0123456789
3	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			9		7,5	8	0012345678910	0123456789
4	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
5	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
6	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			9		5,33	6,4	0012345678910	0123456789
7	15153006	Phan Hữu Đăng	DH15CD			9		6,67	7,7	0012345678910	0123456789
8	15153010	Nguyễn Tấn Định	DH15CD			9		6,67	7,4	0012345678910	0123456789
9	13153077	Trương Công Định	DH13CD		✓	0		0	0	0012345678910	0123456789
10	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			9		8,83	8,9	0012345678910	0123456789
11	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			9		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
12	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			9		8,33	8,5	0012345678910	0123456789
13	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			9		5,67	6,7	0012345678910	0123456789
14	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			9		6,16	7	0012345678910	0123456789
15	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			9		9,00	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02755



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Lê Văn Điện

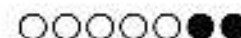
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			9		6,83	7,5	0012345678910	0123456789
17	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			9		6,83	7,5	0012345678910	0123456789
18	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			9		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
19	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT		✓	0		0	0	0012345678910	0123456789
20	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			9		9,16	9,1	0012345678910	0123456789
21	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			9		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
22	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			9		7,00	7,6	0012345678910	0123456789
23	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			9		7,5	8	0012345678910	0123456789
24	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD			9		6,00	6,9	0012345678910	0123456789
25	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			9		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
26	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT			9		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
27	14153029	Hàng Lực	DH14CD			9		6,33	7,2	0012345678910	0123456789
28	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			9		6,83	7,5	0012345678910	0123456789
29	15153041	Bùi Hằng Ngọc	DH15CD			9		7,83	8,2	0012345678910	0123456789
30	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02755



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 001_DHI15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Lê Văn Điện

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD	Nhân		9		6,5	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD	Nhân		9		5,33	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD	Thành		9		8,67	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15154036	Vô Khắc Hoàn Nhân	DH15OT	Hoàn		9		8,5	8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	15154037	Huỳnh Trọng Nhân	DH15OT	Nhân		9		7,67	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL	Phong		9		7,33	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	15153049	Thân Trọng Quan	DH15CD	Quan	✓	0		0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD	Quân		9		6,16	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT	Quyền		9		5,83	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT	Sơn		9		7,00	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL	Sơn		9		7,5	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD	Sỹ		9		8,83	8,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL	Tài		9		5,33	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT	Tâm		9		8,5	8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL	Tân		9		5,83	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02755



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Lê Văn Điện

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137124	Vũ Đức Tấn	DH13NL			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
47	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			9		7,83	8,2	0012345678910	0123456789
48	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			9		7,67	8	0012345678910	0123456789
49	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			9		7,33	7,8	0012345678910	0123456789
50	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			9		9	9	0012345678910	0123456789
51	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			9		7,67	8	0012345678910	0123456789
52	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			9		7,33	7,8	0012345678910	0123456789
53	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			9		8,16	8,4	0012345678910	0123456789
54	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
55	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL			9		5,16	6,3	0012345678910	0123456789
56	14153059	Phạm Ngọc Tuyển	DH14CD			9		7,16	7,7	0012345678910	0123456789
57	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
58	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
59	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
60	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			9		7,16	7,7	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 001 DIHSQT 02

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi: 22/01/2018

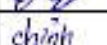
Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Điện

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			9		7,16	7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	15154002	Đậu Đức Anh	DH15OT			9		6,16	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	DH15OT			9		8,67	8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			9,5		9,33	9,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT			9		6,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			9		7,67	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			9		8,67	8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL	chính		9		8,67	8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT	Cường		9		8,16	8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT	Đạt		9		7,5	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT	Đông		9		6,16	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT	Đường		9		8,00	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			9		7,33	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT	Giang		9		8,5	8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT			9		8,33	8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02756



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Điện

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			9		9,5	8,7	0012345678910	0123456789
17	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			9		8,16	8,4	0012345678910	0123456789
18	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			9		9,16	9,1	0012345678910	0123456789
19	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
20	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			9		9,16	9,1	0012345678910	0123456789
21	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT			9		8,33	8,5	0012345678910	0123456789
22	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			9		7,16	7,7	0012345678910	0123456789
23	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			9		9	9	0012345678910	0123456789
24	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			9		9,16	9,1	0012345678910	0123456789
25	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
26	15154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH15OT			0		0	0	0012345678910	0123456789
27	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			9		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
28	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
29	15154045	Trần Suker	DH15OT			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
30	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02756



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15OT_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Điện

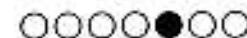
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			9		8,83	8,9	0012345678910	0123456789
32	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			9		9,33	9,2	0012345678910	0123456789
33	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			9		8,83	8,9	0012345678910	0123456789
34	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			0		0	0	0012345678910	0123456789
35	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
36	15154056	Vũ Hoàn Thiện	DH15OT			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
37	15154058	Lê Doãn Trường Thịnh	DH15OT			9		9,16	9,1	0012345678910	0123456789
38	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			9		8,33	8,5	0012345678910	0123456789
39	15154059	Phạm Văn Thức	DH14OT			9		8,16	8,4	0012345678910	0123456789
40	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			9		8,67	8,8	0012345678910	0123456789
41	15153067	Trương Văn Tĩnh	DH15CD			9		5,83	6,8	0012345678910	0123456789
42	15154062	Huỳnh Quang Trang	DH13OT			9		6	6,9	0012345678910	0123456789
43	15154061	Lê Minh Tri	DH15OT			9		6,67	7,4	0012345678910	0123456789
44	15137065	Lê Trung	DH15NL			9		7,33	7,8	0012345678910	0123456789
45	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			9		7,33	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02756



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Diện

Lớp

DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT	<i>Tuấn</i>		9		7,83	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT	<i>Tuấn</i>		9		7,83	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD	<i>Tuy</i>		9		8	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT	<i>Ngọc Văn</i>		9		8,16	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT	<i>Quốc Vỹ</i>		9		8,16	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 48 Số sinh viên vắng: 2

Ngày 6 Tháng 2 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Lê Văn Diện

Lê Văn Diện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154018	Hồ Thanh Hải	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
2	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
3	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
4	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
5	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
6	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
7	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
8	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
9	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
10	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
11	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
12	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
13	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
14	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT						8	○○○12345678910	●123456789
15	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT						9	○○○12345678910	●123456789
16	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT						8	○○○12345678910	●123456789
17	14154006	Phạm Văn Bảo	DH14OT						9	○○○12345678910	●123456789
18	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT						9	○○○12345678910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	14154013	Trương Nhật Điền	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT						7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	14154016	Trần Thanh Tú	DH14OT						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT						0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14154020	Vũ Anh Hiếu	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
35	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT						7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT	<i>Cham</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT	<i>AK</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT	<i>Quang</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	14154044	Điền Quyết	DH14OT	<i>Điền</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT	<i>Sanh</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT	<i>Quốc</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT	<i>Thành</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT	<i>Thắng</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	14154053	Võ Hoàng Thống	DH14OT	<i>Thống</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT	<i>Thu</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT	<i>Thuận</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT	<i>Tiến</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14154061	Trương Ngọc Tín	DH14OT	<i>Tín</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT	<i>Trọng</i>					7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
51	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT	<i>Trường</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT	<i>Việt</i>					9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT	<i>Cường</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT	<i>Cường</i>					8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điền (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14154079	Nguyễn Thị Bích	Dân	Dân				9		00123456789	0123456789
56	14154080	Nguyễn Hoàng	Diễn	Diễn				8		00123456789	0123456789
57	14154093	Trương Bửu	Hiệp	Hiệp				8		00123456789	0123456789
58	14154094	Trần Thanh	Hoàng	Hoàng				9		00123456789	0123456789
59	14154096	Trần Thanh	Hoàng	Hoàng				8,5		00123456789	0123456789
60	14154097	Hoàng Văn	Hòa	Hòa				7,5		00123456789	0123456789
61	14154098	Lê Thái	Hòa	Thái				9		00123456789	0123456789
62	14154099	Nguyễn Anh	Huy	Huy				7,5		00123456789	0123456789
63	14154100	Nguyễn Đức	Huy	Đức				7,5		00123456789	0123456789
64	14154102	Nguyễn Đình	Huy	Đình				9		00123456789	0123456789
65	14154105	Phạm Ngọc	Hưng	Ngọc				8		00123456789	0123456789
66	14154107	Quách Nguyễn Thành	Khang	Thành				9		00123456789	0123456789
67	14154110	Lê Mai	Khoa	Mai				8		00123456789	0123456789
68	14154112	Nguyễn Hoàng	Khuong	Hoàng				7,5		00123456789	0123456789
69	14154119	Nguyễn Văn	Minh	Văn				8		00123456789	0123456789
70	14154127	Nguyễn Văn	Nhận	Văn				8		00123456789	0123456789
71	14154130	Vương	Ninh	Wang				8		00123456789	0123456789
72	14154131	Nguyễn Tấn	Phát	Tấn				9		00123456789	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT	V					0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	14154137	Đỗ Tiến Quýnh	DH14OT	cut					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT	TCV					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	14154143	Trần Hữu Thành	DH14OT	Thanh					8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
77	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DH14OT	Th					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT	Th					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT	S					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 3

Hiện diện: 76

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/học môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Điện


Lê Văn Điện


Lê Quang Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK					9	9	○○○12345678●10	●123456789
2	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
3	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
4	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
5	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT					9,5	9,5	○○○12345678●10	01234●6789
6	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
7	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
8	14154013	Trương Nhật Điền	DH14OT					8	8	○○○1234567●910	●123456789
9	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
10	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
11	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
12	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
13	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
14	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
15	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
16	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789
17	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT					8	8	○○○1234567●910	●123456789
18	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT					9	9	○○○12345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ôtô và xe máy (207711) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT					9,5	9,5	○○○12345678●9	○1234●6789
20	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
21	14154053	Vô Hoàng Thắng	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
22	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
23	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT					8	8	○○○1234567●9	●123456789
24	14154061	Trương Ngọc Tín	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
25	14154063	Vô Đình Trường	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
26	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
27	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
28	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
29	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH14OT					9	9	○○○123456789●	○123456789
30	14154098	Lê Thái Hòa	DH14OT					8,5	8,5	○○○1234567●9	○1234●6789
31	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
32	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789
33	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH14OT					8	8	○○○1234567●9	●123456789
34	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
35	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH14OT					9	9	○○○12345678●9	●123456789
36	14154127	Nguyễn Văn Nhật	DH14OT					10	10	○○○123456789●	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14154130	Vương Ninh	DH14OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH14OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

00

Hiện diện:

41

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Điện


Lê Quang Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			10,0	9,0		9,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15154006	K*	DH15OT			9,0	6,0		6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			5,0	3,0		3,4	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			8,0	8,0		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT			7,0	6,0		6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15154016	Hoỳnh Quang Đường	DH15OT			5,0	3,0		3,4	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			7,0	6,0		6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT			7,0	7,0		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			8,0	7,0		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT			8,0	5,0		5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			10,0	9,0		9,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			8,0	7,0		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			9,0	9,0		9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			7,0	7,0		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			9,0	7,0		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			9,0	9,0	9,0		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT			7,0	6,0	6,2		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT			8,0	7,0	7,2		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			9,0	8,0	8,2		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			7,0	7,0	7,0		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			0,0	0,0	0,0		○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			8,0	6,0	6,4		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			9,0	9,0	9,0		○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS Đặng Hữu Dũng


Nguyễn Văn Tuấn Anh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			8,0	5,0		5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			10,0	7,0		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	②①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			10,0	9,0		9,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT			9,0	10,0		9,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			6,0	7,0		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT			9,0	9,0		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT			6,0	5,0		5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT			9,0	10,0		9,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			9,0	9,0		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT			5,0	3,0		3,4	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			5,0	7,0		6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT			9,0	8,0		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			9,0	8,0		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT			0,0	0,0		0,0	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14154044	Diêu Quyết	DH14OT			7,0	7,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT			5,0	3,0		3,4	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154045	Trần Suker	DH15OT			8,0	6,0		6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT			8,0	8,0		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15154054	Nguyễn Văn Tháo	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT			9,0	6,0		6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			9,0	9,0		9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15154060	Nguyễn Công Tỉnh	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			9,0	8,0		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			9,0	10,0		9,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			8,0	7,0		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15154069	Nguyễn Ngọc Vân	DH15OT			9,0	7,0		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
30	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT			3,0	7,0		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/lộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Th.S Đặng Hữu Dũng


Nguyễn Văn Tuấn Anh